

NÉT ĐẶC SẮC TRONG THỦ PHÁP KỂ CHUYỆN CỦA VŨ TRINH QUA LAN TRÌ KIẾN VĂN LỤC

Nhận bài:

28 – 03 – 2015

Chấp nhận đăng:

25 – 06 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Quảng Văn Ngọc

Tóm tắt: *Lan Trì kiến văn lục* là một tác phẩm có giá trị về nhiều mặt. Bài viết này tập trung mô tả, phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm.

Lan Trì kiến văn lục là một trường hợp tiêu biểu của văn xuôi trung đại Việt Nam. Về nội dung, cuốn sách ghi chép những điều quái lạ mà tác giả đã trải nghiệm; về hình thức, nó là sự dung hợp nhiều thể loại khác nhau. Tác giả đã tạo ra những nét mới mẻ cho thể loại truyện truyền kì của dân tộc. Dấu ấn rõ nét nhất chính là tính chất “hiện thực kỳ ảo” với thủ pháp kể chuyện đặc sắc. Nội dung tác phẩm của Lan Trì tuy nói về những chuyện “kiến văn”, nhưng lại tránh được lối “tạp lục”, không sa vào chi tiết vụn vặt khá phổ biến trong văn xuôi trung đại. *Lan Trì kiến văn lục* không chỉ là một tác phẩm tiêu biểu trong dòng mạch truyện truyền kỳ trung đại mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến văn học hiện đại chặng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Vũ Trinh; truyền kỳ; truyện kỳ; kiến văn; trung đại.

1. Đặt vấn đề

Vũ Trinh (武貞), tác giả *Lan Trì kiến văn lục* sinh năm 1759 ở xã Xuân Quan, huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh. Tên tự của ông là Duy Chu, hiệu Lai Sơn, Lan Trì Ngự Giả. Ông làm quan qua các triều Lê (Chiêu Thống), Nguyễn (Gia Long), được bổ nhiều chức vụ quan trọng; từng làm đến Thị trung học sĩ, Hình bộ Hữu tham tri, làm chánh sứ sang nhà Thanh... Tuy vậy, hoạn lộ của ông không phải lúc nào cũng suôn sẻ, mà nếm trải không ít gian truân. Dưới triều Gia Long, ông bị trách phạt nặng nề; thậm chí còn bị nhốt vào ngục, bị khép án tử hình; về sau được giảm án nhưng phải lưu đày. Năm 1828, ông mới được ân xá, trở về quê, chỉ mấy ngày thì mất, thọ 70 tuổi.

Trong di sản văn xuôi trung đại Việt Nam, *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh là một tác phẩm có giá trị về nhiều mặt. Xét về mặt nội dung, đây là sách ghi chép những điều quái lạ diễn ra trong đời sống xã hội mà tác giả đã “tai nghe mắt thấy”; xét về nghệ thuật, cuốn sách này có những nét đặc sắc riêng. Tác phẩm của Lan Trì vừa kể tục được tinh thần của thể loại ký - lục (kiểu *Vũ*

trung tùy bút, *Kiến văn tiểu lục*, *Kiến văn tạp lục*...) lại vừa có đặc điểm của dòng mạch truyện truyền kỳ (như *Thánh Tông di thảo*, *Truyện kỳ mạn lục*, *Truyện kỳ tân phá*...). Nói cách khác, tác phẩm của Vũ Trinh đã chứa đựng trong đó những đặc điểm nổi trội nhất của văn xuôi trung đại Việt Nam: tính chất hỗn dung *truyện - ký - lục*. Chính điều này đã khiến cho *Lan Trì kiến văn lục* trở thành một “hiện tượng” tiêu biểu của văn xuôi trung đại Việt Nam. Bài viết này sẽ đi vào mô tả, phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện ở tác phẩm này.

2. Kết quả nghiên cứu và bình luận

2.1. Tác phẩm Lan Trì kiến văn lục và lối truyện ký dựa trên cứ liệu thực tế

Tập sách của Vũ Trinh có quy mô gồm 3 quyển, 45 truyện, được viết bằng chữ Hán. Ngay sau khi ra đời, sách được sao chép, truyền tụng rất rộng rãi và được nhiều văn nhân nho sĩ bình tán, đề tựa, đánh giá rất cao. Điều được giới thức giả quan tâm trước tiên đối với cuốn sách là tính chất ký sự, chuộng sự thực của nó. Chính tác giả không giấu giếm ý định ghi chép “sự thật” khi viết sách.

Chất ký sự biểu hiện trước hết ở việc xác định đối tượng trần thuật. Đó là những mẫu chuyện đã diễn ra, có nhân chứng vật chứng rõ ràng. Nhà văn đặc biệt quan tâm đến căn cứ, gốc tích của các sự vật, sự việc. Cũng vì

* Liên hệ tác giả

Quảng Văn Ngọc

Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam

Email: ngocvptuqnam@gmail.com

Điện thoại: 0914464569

thể, mỗi thiên truyện thường tập trung ghi chép về một sự việc, một sự kiện, một biến cố hay một giai đoạn trong cuộc đời của nhân vật. Chẳng hạn các truyện *Dốc Lôì Thủ*, *Thần Cửa Cờn*, *Cô đào họ Nguyễn*, *Chuyện tình ở Thanh Trì*, *Hang núi giữa biển*, *Con gái*... Phần lớn các truyện trong *Lan Trì kiến văn lục* là những ghi chép về những gì mà tác giả (hoặc người thân quen) đã có dịp trải nghiệm, tận mắt chứng kiến hoặc được nghe kể lại.

Để tạo cảm giác về tính chân thực của câu chuyện, Vũ Trinh luôn đặt nhân vật, sự kiện vào trong những không gian, hoàn cảnh quen thuộc, có thể kiểm chứng dễ dàng. Đây là điểm khác so với nghệ thuật trần thuật trong truyện truyền kì. Ở lối truyện truyền kì, do quá chú trọng đến yếu tố quái lạ, huyền tưởng nên không gian mang đặc điểm “vừa phi quảng tính, vừa vô định hướng” [3; tr.41]; nó có thể mở rộng ra bốn cõi: trên trời, dưới đất, trần gian và trong mộng ảo. Nó có thể là không gian biển ảo, phi thường trong các truyện chí quái, chí dị hoặc không gian thiêng trong truyện tôn giáo... Nhưng trong *Lan Trì kiến văn lục* thì tình hình có khác. Ở đây tác giả luôn tìm cách để chứng minh mọi thứ là có thực; câu chuyện diễn ra trong không gian thực, hiện hữu, được xác định cụ thể. Chẳng hạn không gian chùa Báo Ân, Phủ Ngô hầu (*Trạng nguyên họ Nguyễn*), không gian của phòng luyện văn nhà Quốc học (*Nguyễn Quỳnh*) hay những khung cảnh đời thường: bên dòng sông, con đò, trên cây cỏ thụ trong xóm, trên con đường vào làng, một cánh đồng vắng người... Sự xâm nhập và bao phủ của không gian thực, không gian sinh hoạt đã đem đến cho truyện của Vũ Trinh cảm giác gần gũi, thân quen như đang xảy ra trong xứ, trong vùng, trong cuộc đời trần thế, như đang hiện ra trước mắt người đọc.

Lan Trì kiến văn lục có sự xuất hiện của không gian kì ảo nhưng không hư vô mà vẫn gắn với những tình tiết, khung cảnh cụ thể. Chẳng hạn các truyện *Tiên trên biển*, *Hang núi giữa biển*, *Nguyễn Quỳnh*... dù có nhân vật thần tiên nhưng vẫn lấy bối cảnh là sơn xuyên nước Việt. Hang núi giữa biển ở “hạ lộ Quảng Yên, nằm dài sát biển, có nhiều rừng núi và đảo nhỏ, không dấu chân người tới” [6; tr.62]. Ngọn núi kì lạ “ở giữa tầng mây trắng, giữa đám tùng xanh không có một nóc nhà nào” là “núi Phụng Hoàng xứ Hải Dương, cách Kinh thành hai trăm dặm” [6; tr.51]. Đặc điểm không gian ấy thường chứa những người kì, cảnh kì, vật kì hay những cuộc gặp gỡ kì lạ. Không gian ấy thường chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc và bao giờ cũng kéo nhân vật trở lại với cuộc đời thường. Nó chỉ là cuộc gặp gỡ chốc lát (*Tiên trên đảo*), một cái ngoái đầu nhìn lại (*Nguyễn*

Quỳnh), hay một khoảnh khắc bất gặp (*Hang núi giữa biển*)... Nhân vật trong *Lan Trì kiến văn lục* không chìm đắm vào không gian mộng ảo như Chu Sinh (trong *Thánh Tông thi thảo*), Từ Thức (trong *Truyện kì mạn lục*)... Hành động cúi đầu bỏ chạy của người ăn trộm vàng trong *Hang núi giữa biển* ở *Lan Trì kiến văn lục* là một ẩn dụ sâu sắc, mang nhiều ý nghĩa.

Trong *Lan Trì kiến văn lục* rất hiếm không gian ước lệ thường thấy trong văn chương cổ điển (như cảnh mưa tuyết, rừng phong lá đỏ, liễu rủ...), trong khi lại xuất hiện rất nhiều những sự vật, cảnh trí, địa danh cụ thể: cây gạo, cây đa, ngôi làng, lều quán, chợ búa, bến sông, cửa bể, đồn canh... với tên riêng và vị trí xác thực.

Thời gian trong *Lan Trì kiến văn lục* cũng có sự tương thích rất cao với tính chất thực tế, thực tại của câu chuyện mà tác giả hướng tới. Các sự kiện luôn được xác định thời khắc cụ thể (thường gắn với niên hiệu của các vị vua). Điều này rất khác so với cách thể hiện thời gian trong các truyện hư cấu, truyện truyền kì. Thời gian trong truyện kì thường là “thời gian phi tuyến tính với tốc độ đàn hồi ảo hóa” có thể “co” tám thế kỉ vào một năm hay đang từ hiện tại “nhảy” về quá khứ của kiếp trước và “bước” sang tương lai kiếp sau” [3; tr.17]. Nhưng truyện của Vũ Trinh bao giờ cũng rành mạch về thời điểm. Ví như *Truyện thằng trộm* diễn ra vào “năm Quý Hợi (1743), niên hiệu Cảnh Hưng”; *Chuyện quan quận ở Liên Hồ* diễn ra vào “năm Mậu Tuất, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1718)”; *Truyện Dốc Lôì Thủ* diễn ra vào “năm Kì Mùi (1739), niên hiệu Vĩnh Hựu”; *Truyện Rắn thiêng* diễn ra “năm Giáp Thân (1764) niên hiệu Cảnh Hưng”...

Cách mô tả không gian và thời gian trong tác phẩm của Vũ Trinh khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy, dù sự việc có kỳ lạ. Nó đem đến cho thế giới nghệ thuật trong *Lan Trì kiến văn lục* giá trị hiện thực đậm nét.

2.2. Thủ pháp “mượn lời” và “dẫn nguồn” trong quá trình kể chuyện

Một trong những thủ pháp ưa thích nhằm gia tăng tính khách quan trong thuật truyện mà Vũ Trinh thường sử dụng là lối “mượn lời”, “dẫn xuất xứ”. Điều quan trọng ở đây là câu chuyện không phải do tác giả “bịa” ra mà luôn có người chứng kiến, trải nghiệm. Đó là những người có uy vọng trong xã hội như Tê tướng Vũ Khâm Lân (*Cô đào họ Nguyễn*); con trai của Tiên sĩ Phạm Chất (*Phạm Viên*); Quan Thượng thư Nguyễn Thực (*Bà phu nhân Lan quận công*); Tiên sĩ Nguyễn Trật (*Ông Nguyễn Trật*)... Hoặc trong truyện *Con gái* thì “có ông Hoàng Xuân Viên làm Tri huyện Kim Thành chứng kiến”; truyện *Con lai rắn* xảy ra khi “Tôi (tác giả) làm tri phủ Quốc Oai, được ông Nguyễn Quyền, Huân đạo phủ Lâm Thao kể cho nghe câu chuyện này. Ông còn

nói đã tận mắt thấy đứa con của rắn, năm ấy nó được ba bốn tuổi rồi”; truyện *Cá thần* xảy ra khi “ông chú tôi (tác giả) là Triệu Lĩnh bá Trần Danh Đương làm tướng coi đồn binh Động Hải, xét xử án ấy nhưng vì lâu ngày quên mất tên người lái buôn”; truyện *Con hổ nghĩa hiệp* “xảy ra vào năm Canh Tuất (1790). Em tôi (tác giả) là Trần Danh Lưu đi Lạng Sơn được nghe kể lại”; truyện rắn thần do “ông ngoại tôi (tác giả) là cụ Trần Trung Lượng làm Tham chính Thanh Hóa gặp”...

Điều cần lưu ý là, tính xác thực trong *Lan Trì kiến văn lục* cần được hiểu theo quan niệm của người xưa. Theo đó, những chuyện lạ, chuyện kì về một phương diện nào đó vẫn là “chuyện thật”. Chuyện có thể khó tin nhưng như thế không có nghĩa là không thể xảy ra, bởi không thể “chỉ nhìn” bầu trời qua lỗ nhỏ, dùng võ trai đong nước biển mà đoán mò”. Vì vậy, trong bài tựa số 1, Ngô Thì Hoàng đã khen Vũ Trinh “lớn thì nhân vật quý thần” nhỏ thì cảm thú ngư trùng, những việc gì lạ mà mắt thấy tai nghe, đều ghi lại” [6; tr.04].

Trong ghi chép, ở những trường hợp cần thiết, Vũ Trinh luôn thực hiện việc kê cứu, biện giải, mong tìm đến tính chân thực của sự việc, đồng thời cũng thể hiện được thái độ “bảo lưu điểm nghi ngờ” (đa văn thuyết nghi). Ví như, trong truyện *Bà đồng*, nhà văn nhận xét: “Đàn ông, đàn bà ít hiểu biết phần nhiều mê hoặc quý thần, bà đồng thầy theo đó mà dối lừa theo”. Trong *Thần Cửa Cờn* ông còn tỏ ý nghi ngờ: Đại đế, chuyện cũ ta phần nhiều không có ghi, các ông bà già ở làng quê cứ hư truyền mãi, rồi không biết là sai lạc nữa”. Truyện *Tháp Báo Ân*, ông viết: “Đến nay đã mấy trăm năm, nắm mồ cũ đã mai một, không biết rõ chỗ nào. Ngồi tháp thì vẫn sừng sững ở đó”.

Nội dung tác phẩm của Lan Trì tuy nói về những chuyện “kiến văn”, nhưng lại tránh được lối “tạp lục”, không sa vào chi tiết vụn vặt khá phổ biến trong văn xuôi trung đại. Trái lại nó thể hiện rất rõ tính chất truyện ký, tiểu thuyết. Truyện của ông dù ngắn gọn nhưng vẫn đầy đủ các yếu tố đặc trưng của lối văn tự sự: đó là sự hoàn chỉnh của cốt truyện, quan điểm trần thuật, giọng văn... Nhìn chung, cốt truyện trong *Lan Trì kiến văn lục* thường đơn giản, ít nhân vật, chi tiết, tình tiết, sự kiện rất hạn chế.

Vũ Trinh thường đưa các môtip quen thuộc trong văn học dân gian vào tác phẩm của mình. Các truyện *Bà phu nhân Lan quận công*, *Ông tiên ăn mây*, *Câu chuyện tình ở Thanh Trì* là những ví dụ tiêu biểu. Truyện *Bà phu nhân Lan quận công* kể về một nhân vật lịch sử, đó là trạng nguyên Nguyễn Thục. Tuy vậy người đọc vẫn dễ dàng nhận ra môtip điển hình trong truyện cô tích. Đó là môtip về “người em gái út” (trong số ba chị em kén chồng, cô út luôn là người hiếu thảo, tốt bụng, chịu

khó và cuối cùng được hạnh phúc). *Chuyện tình ở Thanh Trì* gợi nhắc môtip “hôn nhân bất cân xứng” trong *Truyện Trương Chi*. Tất nhiên ở đây Vũ Trinh không chú tâm vào mô tả bi kịch hôn nhân mà thể hiện tinh thần phê phán tư tưởng phân biệt đẳng cấp trong hôn nhân. Luật lệ hà khắc của xã hội phong kiến đã dẫn đến nỗi oan khuất, bị kịch trong tình yêu lứa đôi. Truyện *Ông tiên ăn mây* liên quan đến môtip “phân chia tài sản”. Người em nhân hậu, bị anh đối xử thậm tệ, chịu thiệt thòi; còn người anh độc ác, tham lam bị trừng phạt theo quan niệm nhân - quả của đạo Phật.

3. Kết luận

Có thể nói, *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh là một tác phẩm rất độc đáo. Xét về hình thức, nó là sự dung hợp nhiều thể loại khác nhau: vừa mang chất của *truyện, kí, lục*, vừa có những yếu tố của tiểu thuyết; nó có đầy đủ tính chất khuôn mẫu của tác phẩm văn xuôi chữ Hán, lại vừa có dấu ấn của văn học dân gian. Với *Lan Trì kiến văn lục*, Vũ Trinh đã tạo ra những nét mới mẻ cho thể loại truyện truyền kì Việt Nam. Dấu ấn rõ nét nhất chính là tính chất “hiện thực kỳ ảo” với thủ pháp kể chuyện đặc sắc. *Lan Trì kiến văn lục* không chỉ là một tác phẩm tiêu biểu trong dòng mạch truyện truyền kì trung đại mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến văn học hiện đại chặng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 1999), *Truyện truyền kì Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục.
- [2] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (1997), *Từ điển Thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đăng Na (1997), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đăng Na (2007), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Trần Nghĩa (chủ biên) (1995), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, tập 1, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [6] Vũ Trinh (2004), *Lan Trì kiến văn lục*, Nxb Thuận Hóa.

DISTINCTIVE FEATURES OF VU TRINH'S STORYTELLING METHOD THROUGH *LAN TRI KIEN VAN LUC*

Abstract: *Lan Tri kien van luc* by Vu Trinh is a valuable work in many aspects. This paper focuses on describing and analyzing the distinctive features in the storytelling art of the work.

Lan Tri kien van luc is a typical case of prose in the period of 11th - 19th centuries in Vietnam. In terms of its content, the book is a record of the author's bizarre experience; in terms of its form, it is a combination of different genres. The author has created new features for such legendary stories of the Vietnamese people. The most remarkable hallmark is the "miraculous reality" feature with a distinctive storytelling method. The content of *Lan Tri kien van luc* talks about stories of "first-hand experiences", but avoids using "miscellaneous styles", and does not fall into trivial details which are common in the prose of the 11th - 19th century period. *Lan Tri kien van luc* is not only a typical work among the legendary stories in the 11th - 19th centuries, but it also has a profound influence on modern literature in the late nineteenth century and in the early twentieth century.

Key words: Vu Trinh; legend; memoir; first-hand experiences; the 11th - 19th century period.